

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN X  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HNGĐ

Ngày: 17/10/2018.

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi  
con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X - TỈNH LONG AN**

*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nhị.
2. Ông Bùi Mạnh Quyết.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X - tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197/2018/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp “ly hôn và nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/10/2018 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1983. Địa chỉ: 28/6B Thống Nhất, Phường L, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

**Bị đơn:** Bà Lê Thị Mỹ Ph, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp Bình Lương 1, xã T, huyện X, tỉnh Long An. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện anh Nguyễn Hoàng T trình bày:* Anh chị tự tìm hiểu đi đến hôn nhân. Năm 2015, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, anh chị phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm. Hiện anh chị đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị Ph.

Về con chung: Lê Tấn P, sinh ngày 30/7/2017. Anh T yêu cầu giao con chung cho chị Ph nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Lê Thị Mỹ Ph trình bày:* Về quan hệ hôn nhân như anh T trình bày. Anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2015. Do anh T ở thành phố ít về nên hai anh chị không đi đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung đã thể hiện sự khác biệt về lối sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay anh T xin ly hôn thì chị Ph đồng ý.

Về con chung: Lê Tấn P, sinh ngày 30/7/2017. Hiện con chung đang ở chung với

chị Ph. Chị Ph đồng ý được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về thủ tục tố tụng:*

Anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Mỹ Ph chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay anh T yêu cầu ly hôn, chị Ph đang cư trú tại ấp Bình Lương 1, xã T, huyện X nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2011.

Về điều kiện khởi kiện: Ngày 02/6/2018 anh T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Ngày 13/6/2018, anh T nộp tiền tạm ứng án phí. Tại thời điểm khởi kiện thì con chung của anh T và chị Ph chưa đủ 12 tháng tuổi, lẽ ra Tòa án phải trả đơn cho anh T do chưa đủ điều kiện khởi kiện. Tuy nhiên tới ngày 08/8/2018, anh T nộp biên lai tạm ứng án phí cho Tòa án. Anh T vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy tại thời điểm nộp biên lai tạm ứng án phí con chung của anh T và chị Ph đã đủ 12 tháng tuổi nên Tòa án đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án theo quy định.

Anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Mỹ Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất để xét xử, nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng T, Hội đồng xét xử xét thấy:* Anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Mỹ Ph chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2015 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống anh chị không liên hệ cơ quan có chức năng làm thủ tục đăng ký theo quy định. Quá trình sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp tính tình. Nay anh T yêu cầu xin ly hôn và được chị Ph đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử xét yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp Điều 14, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

*Về con chung:* Anh T và chị Ph thống nhất giao con chung Lê Tấn P, sinh ngày 30/7/2017 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

*Tài sản chung, nợ chung:* Anh T, chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39 và 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 14, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng T đối với chị Lê Thị Mỹ Ph.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Hoàng T và chị Lê Thị Mỹ Ph là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung Lê Tấn P, sinh ngày 30/7/2017 cho chị Lê Thị Mỹ Ph trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con cũng như mức cấp dưỡng.

**Án phí:** Anh Nguyễn Hoàng T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003364 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X sang án phí. Anh Nguyễn Hoàng T không phải nộp thêm án phí.

Án xử sơ thẩm các đương sự không đồng ý thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc được niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**